

## BÁO CÁO THỐNG KÊ CHUYÊN NGÀNH DÂN SỐ CẤP XÃ

QUÝ 2 NĂM 2023

| Tên chỉ tiêu   | Toàn xã | Thôn 1 | Thôn 2 |
|--|---------|--------|--------|
| 1. Tổng số hộ dân cư (hộ TT + hộ gia đình) tính đến cuối quý                       | 289     | 122    | 167    |
| Trong đó: Số hộ gia đình   | 288     | 122    | 166    |
| 2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý                 | 1.272   | 518    | 754    |
| 3. Số nữ từ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý                                  | 190     | 84     | 106    |
| 4. Số người chết trong quý   | 3       | 1      | 2      |
| 5. Số người kết hôn trong quý  | 0       | 0      | 0      |
| Trong đó: - Số người tảo hôn   | 0       | 0      | 0      |
| - Số người kết hôn cận huyết thống   | 0       | 0      | 0      |
| 6. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý        | 0       |        |        |
| 7. Số người ly hôn trong quý   | 0       | 0      | 0      |
| 8. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý  | 2       | 2      | 0      |
| 8. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý  | 0       | 0      | 0      |
| 10. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý | 120     | 56     | 64     |
| Chia ra: - Đặt vòng tránh thai   | 43      | 22     | 21     |
| - Triệt sản nam  | 0       | 0      | 0      |
| - Triệt sản nữ   | 4       | 1      | 3      |
| - Thuốc cấy tránh thai   | 1       | 0      | 1      |
| - Thuốc tiêm tránh thai  | 6       | 1      | 5      |
| - Thuốc uống tránh thai  | 20      | 12     | 8      |
| - Bao cao su   | 23      | 14     | 9      |
| - Biện pháp tránh thai khác  | 23      | 6      | 17     |
| 11. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý | 70      | 28     | 42     |
| 12. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý        | 0       |        |        |
| Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng                                   | 0       |        |        |

| Tên chi tiêu  | Toàn xã | Thôn 1 | Thôn 2 |
|---|---------|--------|--------|
| 13. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý   | 0       |        |        |
| Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng  | 0       |        |        |
| 14. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý  | 0       |        |        |
| Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng  | 0       |        |        |
| 15. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý | 0       |        |        |
| Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng  | 0       |        |        |
| 16. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý   | 0       |        |        |
| Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng  | 0       |        |        |
| 17. Số người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ trong quý  | 0       |        |        |
| 18. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý  | 0       |        |        |
| 19. Số lần tuyên truyền về CT dân số tại xã trong quý   | 0       |        |        |
| Trong đó: Số lượt người tham dự   | 0       |        |        |
| 20. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý   | 2       |        |        |
| 21. Số thôn chưa có CTV tính đến cuối quý   | 0       |        |        |

Cán bộ dân số cấp xã  
(ký và ghi rõ họ tên)

*Sul*  
Phạm Thủy An

Dân Châu... Ngày 30 tháng 6 năm 2023.  
ĐƠN VỊ ĐẦU MỐI LÀM CÔNG TÁC DÂN SỐ CẤP XÃ  
(Chức vụ, ký tên, đóng dấu)



*Phạm Thị Mơ*